

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 248/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 19 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung, sửa đổi Danh mục
thành phần hồ sơ phải số hóa tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số: 2063/TTr-VP ngày 19 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục bổ sung và điều chỉnh nội dung thành phần hồ sơ phải số hóa của tỉnh Đồng Nai đối với **45 thủ tục hành chính**, cụ thể:

1. Bổ sung Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với **28 thủ tục hành chính (TTHC)**.

2. Sửa đổi nội dung thành phần hồ sơ phải số hóa của **17 TTHC** được ban hành tại Phụ lục Danh mục kèm theo Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai, bao gồm:

- Sửa đổi nội dung thành phần hồ sơ phải số hóa của *01 TTHC Ngành Tư pháp*.

- Sửa đổi nội dung thành phần hồ sơ phải số hóa của *16 TTHC Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*.

(Phụ lục Danh mục bổ sung, sửa đổi thành phần hồ sơ TTHC phải số hóa đính kèm theo).

Điều 2. Giao các đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ sau:

1. Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, triển khai thực hiện Danh mục thành phần hồ sơ TTHC phải số hóa nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, địa phương theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

2. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tiếp tục rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, đề xuất danh mục thành phần hồ sơ TTHC phải số hóa theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ, gửi các Sở quản lý chuyên ngành tổng hợp chung theo lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

3. Giám đốc các sở, ban ngành tỉnh rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, tổng hợp các đề xuất của UBND cấp huyện để bổ sung Danh mục thành phần hồ sơ TTHC phải số hóa, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Văn phòng UBND tỉnh) để tổng hợp, ban hành theo quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp theo dõi, đôn đốc và tổng hợp bổ sung Danh mục thành phần hồ sơ TTHC phải số hóa của tỉnh Đồng Nai theo kết quả tổng hợp, đề xuất của các sở, ban, ngành tỉnh.

5. Giao Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, triển khai thực hiện Danh mục thành phần hồ sơ TTHC phải số hóa đáp ứng yêu cầu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của tỉnh theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Trường hợp, Danh mục thành phần hồ sơ TTHC phải số hóa ban hành tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ hoặc thay thế thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTN, THNC, HCTC, HCC.



Q. CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức



1

Phụ lục

DANH MỤC BỔ SUNG, SỬA ĐỔI THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẢI SỎ HÓA TỈNH ĐỒNG NAI

(Đính kèm Quyết định số 2148 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

I. NGÀNH TƯ PHÁP

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
A.	CẤP TỈNH			
A.1	Lĩnh vực Lý lịch tư pháp			Điều chỉnh nội dung thành phần hồ sơ phải số hóa ban hành kèm Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai
1	2.000488	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	- Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp; - Văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1.	
A.2	Lĩnh vực Nuôi con nuôi			
2	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	- Phiếu lý lịch tư pháp; - Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân; - Giấy chứng nhận kết hôn (Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi); - Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp; - Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế; - Đơn xin nhận con nuôi.	Bổ sung

II. NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
A.	CẤP TỈNH			
A.1	Bảo vệ thực vật			

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
3	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	<p>1. Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT).</p> <p>2. Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật</p>	Điều chỉnh nội dung thành phần hồ sơ phải số hóa ban hành kèm Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai
4	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	<p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.</p> <p>2. Bản sao Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên của người trực tiếp buôn bán phân bón theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Trồng trọt (trường hợp có thông tin về chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón được thể hiện tại Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thì không phải nộp thành phần hồ sơ này)</p>	
5	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.	
6	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	<p>1. Giấy xác nhận nội dung quảng cáo Văn bản xác nhận nội dung quảng cáo có giá trị trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>2. Bản sao hợp lệ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam</p>	
A.2	Lĩnh vực Chăn nuôi			
7	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	<p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p> <p>2. Bản thuyết minh điều kiện sản xuất (theo Mẫu số 02.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p>	Điều chỉnh nội dung thành phần hồ sơ phải số hóa ban hành kèm Quyết định số 834/QĐ-UBND

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
8	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	<ol style="list-style-type: none"> Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi). Bản thuyết minh điều kiện sản xuất (theo Mẫu số 02.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi). 	<p>ngày 29/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai</p>
A.3	Lĩnh vực Thú y			
9	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	<ol style="list-style-type: none"> Đơn đăng ký cấp mới, đơn đăng ký gia hạn. 2 hình 4x6 	<p>Điều chỉnh nội dung thành phần hồ sơ phải số hóa ban hành kèm Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai</p>
10	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y).	<ol style="list-style-type: none"> Đơn đăng ký cấp lại. 2 hình x nhân 6 	
11	2.002132	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (Cấp Tỉnh)	<ol style="list-style-type: none"> Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát 	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
12	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	<p>triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;</p> <p>2. Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu 02 của Phụ lục Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.</p> <p>Đơn cấp lại.</p>	
A.4	Lĩnh vực	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản		
13	2.001827	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	<p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực 8:11;</p> <p>2. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;</p>	<i>Điều chỉnh nội dung thành phân hồ sơ phải số hóa ban hành kèm Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai</i>
14	2.001823	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 6 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	<p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;</p> <p>2. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm D10;</p>	
A.5	Lĩnh vực	Thủy sản		
15	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1. Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;	<i>Điều chỉnh nội dung thành phân hồ sơ</i>

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ol style="list-style-type: none"> Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu); Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế; 	<p><i>phải số hóa ban hành kèm Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai</i></p>
16	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	<ol style="list-style-type: none"> Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 07-DKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu); Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký, Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản cũ; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do. 	
A.6	Lĩnh vực Kiểm lâm			
17		3.000160	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	<ol style="list-style-type: none"> Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 Phụ lục I kèm theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. Đề nghị phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 01 kèm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông.
A.7	Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường			
18		1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	<ol style="list-style-type: none"> Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa vào đơn vị thứ 3: <ul style="list-style-type: none"> Bản công bố hợp quy; Giấy chứng nhận sản phẩm. Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> Bản công bố hợp quy; Báo cáo tự đánh giá

III. NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
19	2.002502	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1) Công văn đề nghị Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí đã nộp vào Quỹ; 2) Thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Bổ sung
20	1.008377	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	Phiếu đăng ký xét tiếp nhận vào viên chức	Bổ sung
21	3.000259	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	Đơn đăng ký đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ (bản chính)	Bổ sung
22	1.008379	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác	Đơn đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác	Bổ sung
23	1.011820	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)	1) Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước; 2) Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	Bổ sung
24	1.011819	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1) Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ được mua bằng ngân sách nhà nước; 2) Văn bản xác nhận việc đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước.	Bổ sung
25	1.011812	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	1) Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân theo mẫu BM I.1	Bổ sung

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			2) Bản cam kết về quyền sở hữu hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (Đối với trường hợp không có tài liệu chứng minh) theo mẫu BM I.2.	
26	1.011814	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo mẫu BM II.1.	<i>Bổ sung</i>
27	1.011815	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Đơn đề nghị Nhà nước mua sáng chế, sáng kiến theo mẫu BM III.1.	<i>Bổ sung</i>
28	1.011816	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	1) Đơn đề nghị Nhà nước mua sáng chế, sáng kiến theo mẫu BM III.1; 2) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực theo mẫu BM II.1.	<i>Bổ sung</i>
29	2.001179	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động yom tạo công nghệ, yom tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Văn bản đề nghị xác nhận	<i>Bổ sung</i>
30	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.	<i>Bổ sung</i>
31	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.	<i>Bổ sung</i>
32	2.002253	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	1) Giấy đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá; 2) Danh sách cán bộ, nhân viên tham gia tổ chức hoạt động xét tặng giải thưởng (tên, chức danh, trình độ, kinh nghiệm tổ chức hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá, Quyết định tuyển dụng/Hợp đồng lao động)	<i>Bổ sung</i>

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			3) Dự kiến danh sách thành viên Hội đồng xét thương (trình độ, chuyên môn).	
33	2.001269	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia	1) Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP	Bổ sung
34	2.001259	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	1) Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu. 2) Phiếu tiếp nhận hồ sơ chất lượng hàng hóa nhập khẩu.	Bổ sung
35	1.001392	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	1) Văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng. 2) Văn bản thông báo lý do cho người nhập khẩu trong trường hợp từ chối việc xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng.	Bổ sung

IV. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
A.	CẤP TỈNH			
A.1	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa			
36	2.000024	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số 01a và Mẫu số 01b tại Phụ lục kèm theo của Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. - Điều lệ quỹ; - Hợp đồng thuê công ty thực hiện quản lý quỹ (nếu có); - Giấy xác nhận của ngân hàng về quy mô vốn đã góp; - Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước đối với nhà đầu tư là cá nhân; quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức; 	Bổ sung

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
37	1.000016	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản họp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, quyết định của Hội đồng thành viên hoặc của chủ sở hữu phù hợp với quy định tại Điều lệ công ty của nhà đầu tư là tổ chức góp vốn về việc tham gia góp vốn vào quỹ, về việc cử người đại diện Phần vốn góp theo ủy quyền kèm theo hồ sơ cá nhân của người này. - Thông báo việc tăng, giảm vốn quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. - Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư về việc tăng, giảm vốn và các tài liệu liên quan; - Điều lệ quỹ sửa đổi; - Biên bản thỏa thuận góp vốn và danh sách các nhà đầu tư góp vốn, số vốn góp, tỷ lệ sở hữu vốn góp trước và sau khi tăng, giảm vốn góp của quỹ; - Giấy chứng nhận của công ty thực hiện quản lý quỹ về Phần vốn đã góp thêm, danh Mục tài sản góp vào quỹ. Trường hợp giảm vốn: Giấy xác nhận của công ty thực hiện quản lý quỹ về việc phân bổ tài sản. 	Bổ sung
38	2.000005	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Biểu mẫu 03 của Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. - Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của quỹ về việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ, trong đó nêu rõ thời gian gia hạn hoạt động của quỹ; - Chi tiết danh Mục đầu tư và báo cáo giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày định giá gần nhất tính tới ngày nộp hồ sơ gia hạn; - Các thay đổi về nhà đầu tư, Điều lệ quỹ (nếu có). 	Bổ sung

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
39	2.002005	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	<p align="center">Thành phần hồ sơ phải số hóa</p> <p>* Trường hợp thông báo việc giải thể quỹ, hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo việc giải thể quỹ cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP. - Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, kèm theo phương án, lộ trình thanh lý và phân phối tài sản đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua, trong đó nêu rõ nguyên tắc xác định giá trị tài sản tại ngày giải thể và thời gian quỹ thanh lý tài sản phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ và sổ tay định giá; phương thức phân phối tài sản cho nhà đầu tư và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về hoạt động thanh lý và phân phối tài sản; - Cam kết bằng văn bản được ký bởi đại diện theo pháp luật của công ty thực hiện quản lý quỹ về việc chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục thanh lý tài sản để giải thể quỹ. <p>* Trường hợp thông báo đã hoàn tất việc giải thể, hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo việc giải thể quỹ cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP. 	Bổ sung
40	2.002004	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chuyển nhượng Phần vốn góp của các nhà đầu tư theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trong đó nêu rõ thông tin về các bên giao dịch, tỷ lệ sở hữu của các bên (trước và sau khi giao dịch), giá trị giao dịch; - Bản sao hợp đồng chuyển nhượng của các nhà đầu tư có xác nhận của công ty thực hiện quản lý quỹ. 	Bổ sung
41	2.001999	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế; - Bản sao hợp lệ chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi. 	Bổ sung
A.2	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
42	2.001991	Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư)	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản lấy ý kiến. - Văn bản trình phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án của chủ dự án. - Dự thảo Văn kiện dự án, phi dự án. - Văn bản góp ý của các cơ quan liên quan. - Các tài liệu liên quan khác (nếu có) như: văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung dự án, phi dự án, thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ, văn bản ghi nhớ với nhà tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ. 	<i>Bổ sung</i>
43	2.002053	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được lập cho toàn bộ thời gian thực hiện chương trình, dự án và phải bao gồm tất cả hợp phần, hạng mục, nhóm hoạt động, nguồn vốn tương ứng (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng) và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo. 	<i>Bổ sung</i>
44	2.002050	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung của kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm gồm thông tin chi tiết về các hợp phần (chia theo hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư xây dựng), các hạng mục và hoạt động chính, các nguồn vốn, bao gồm cả vốn đối ứng và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo. 	<i>Bổ sung</i>

V. NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
A.	CẤP TỈNH			
A.1	Lĩnh vực cụm công nghiệp			
45	1.012427	Thành lập/ mở rộng cụm công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ tài liệu về tư cách pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; - Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh năng lực tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ 	<i>Bổ sung</i>

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính (nếu có);</p> <p>- Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có);</p> <p>- Số hóa kết quả thủ tục hành chính</p>	